

Số: 01/2016/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Cục Bổ trợ TP-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC (02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Xuân Ánh

QUY ĐỊNH

Mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức trần thù lao công chứng đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản; công chứng ngoài trụ sở và các việc khác liên quan đến việc công chứng do các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng (sau đây gọi chung là người yêu cầu công chứng).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

2. Việc thu, nộp tiền thù lao trong hoạt động công chứng bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ); mức thu được quy định tại Quy định này là mức thu tối đa và không bao gồm phí công chứng theo quy định hiện hành.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức trần thù lao công chứng đối với việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch

| STT | NỘI DUNG | MỨC TRẦN |
|-----|---|-----------------------------------|
| | SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH | <i>(đồng/hợp đồng, giao dịch)</i> |
| 1 | Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh | 250.000 |
| 2 | Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản | 250.000 |

| | | |
|----|---|---------|
| 3 | Di chúc | 200.000 |
| 4 | Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. | 150.000 |
| 5 | Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất. | 150.000 |
| 6 | Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp | 150.000 |
| 7 | Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác | 150.000 |
| 8 | Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lãnh tài sản | 150.000 |
| 9 | Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản | 150.000 |
| 10 | Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô | 100.000 |
| 11 | Hợp đồng mua bán, tặng cho xe máy | 50.000 |
| 12 | Hợp đồng vay tiền | 100.000 |
| 13 | Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng | 100.000 |
| 14 | Hợp đồng ủy quyền | 100.000 |
| 15 | Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | 50.000 |
| 16 | Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch | 50.000 |
| 17 | Văn bản từ chối nhận di sản | 50.000 |
| 18 | Giấy ủy quyền | 50.000 |
| 19 | Hợp đồng, giao dịch khác | 100.000 |

Điều 5. Mức trần thù lao công chứng đối với việc đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến công chứng

| STT | NỘI DUNG | MỨC TRẦN |
|-----|--|--------------------------|
| I | ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP GIẤY TỜ, VĂN BẢN | <i>(đồng/trang)</i> |
| 1 | Đánh máy giấy tờ, văn bản (trang A4) | 5.000 |
| 2 | Sao chụp giấy tờ, văn bản (trang A4) | 500 |
| 3 | Sao chụp giấy tờ, văn bản (trang A3) | 1.000 |
| II | DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN | <i>(đồng/trang)</i> |
| 1 | Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt | 100.000 |
| 2 | Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài | 120.000 |
| III | CÁC VIỆC KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG CHỨNG | <i>(đồng/trường hợp)</i> |
| 1 | Sao lục hồ sơ | 50.000 |
| 2 | Công bố di chúc | 150.000 |
| 3 | Niêm yết thông báo hồ sơ thừa kế | |
| | Phạm vi dưới 10km | 50.000 |
| | Phạm vi từ 10km đến 30km | 100.000 |
| | Phạm vi từ 30km đến 50km | 150.000 |
| | Phạm vi từ 50 km trở lên | 200.000 |
| | Tiền tàu xe; chi phí ăn; lưu trú do người yêu cầu công chứng chi trả cho người thực hiện niêm yết theo thực tế, áp dụng đối với phạm vi từ 10km trở lên. | |
| 4 | Các việc khác | 40.000 |

Điều 6. Mức trần thù lao công chứng đối với việc công chứng ngoài trụ sở của Tổ chức hành nghề công chứng

| STT | NỘI DUNG | MỨC TRẦN |
|-----|--|--------------------------|
| | CÔNG CHỨNG NGOÀI TRỤ SỞ Trường hợp người yêu cầu công chứng là đối tượng theo quy định tại khoản 2, Điều 44 của Luật Công chứng có yêu cầu thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở thì phải trả thêm khoản thù lao như sau: | <i>(đồng/trường hợp)</i> |
| 1 | Phạm vi dưới 10 km | 150.000 |
| 2 | Phạm vi từ 10 km đến 30 km | 200.000 |
| 3 | Phạm vi từ 30 km đến 50 km | 300.000 |
| 4 | Phạm vi trên 50 km trở lên | 400.000 |
| 5 | Công chứng ngoài tỉnh | 400.000/ ngày |
| 6 | Tiền tàu xe; chi phí ăn; lưu trú do người yêu cầu công chứng chi trả cho công chứng viên theo thực tế, áp dụng đối với phạm vi từ 10km trở lên. | |

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 7. Trách nhiệm của các Tổ chức hành nghề công chứng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng căn cứ tình hình thực tế, cụ thể để xác định mức thù lao đối với từng loại việc không vượt quá mức trần quy định tại Chương II của Quy định này và niêm yết công khai các mức thù lao tại trụ sở.

2. Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng về thù lao công chứng.

3. Các tổ chức hành nghề công chứng phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán chi phí, doanh thu các khoản thu dịch vụ công chứng theo pháp luật về kế toán thống kê.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thu thù lao công chứng theo quy định tại Quy định này, các văn bản pháp luật khác có liên quan và định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Tổ chức hành nghề công chứng thu thù lao công chứng cao hơn mức trần thù lao theo quy định tại Quy định này và mức thù lao đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Xuân Ánh